

Doanh nghiệp Spin-offs trên thế giới và bài học cho Việt Nam về phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ

Đình Văn Toàn

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Bài báo tập trung nghiên cứu về các công ty Spin-offs và chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp này từ các cơ sở giáo dục đại học trên thế giới. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số đề xuất thúc đẩy phát triển Spin-offs trong các trường đại học Việt Nam, nhằm khai thác và phát huy tiềm năng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo to lớn của các trường đại học.

1. Mở đầu

Đối với các cơ sở giáo dục đại học, các công ty Spin-offs có thể được khái niệm hóa như là các công ty hình thành trên nền tảng công nghệ mới và phát triển từ các trường đại học thông qua thương mại hóa tài sản trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Tác giả Pirnay và cộng sự (2003) định nghĩa Spin-offs là các công ty mới được tạo ra để khai thác thương mại một số kiến thức, công nghệ hoặc kết quả nghiên cứu được phát triển trong một trường đại học. Điểm chung nhất của các công ty Spin-offs từ trường đại học là: một thực thể pháp lý riêng biệt; không phải là một phần mở rộng hoặc kiểm soát bởi cơ sở giáo dục đại học; kinh doanh thông qua việc khai thác tri thức từ/hoặc theo đuổi từ các hoạt động hàn lâm trong nhà trường; và nhằm mục đích tạo ra lợi nhuận và thương mại hóa công nghệ.

2. Sự phát triển spin-offs trên thế giới

2.1. Gia tăng số lượng Spin-offs được hình thành

Tại Châu Âu: nghiên cứu ở Vương quốc Anh cho thấy số các công ty này tăng liên tục từ 161 ở năm 2004 lên 187 vào năm 2006, trong 3 năm 2004-2006 trong số các công ty này đã có 24 công ty phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng thành công (Wright và cộng sự, 2009). Ở Hà Lan, theo Bekkers và cộng sự (2006), tính riêng cho năm 2006 đã có 499 doanh nghiệp Spin-offs từ các trường đại học được thành lập. Tại Ý, trong giai đoạn từ 2000-2007, trung bình có 100 Spin-offs ra đời từ dự án kinh doanh mới mỗi năm. Đến cuối năm 2015, đã có 1.254 công ty Spin-offs được thành lập từ các trường đại học và các tổ chức nghiên cứu. Trong đó, tổng số Spin-offs được thành lập từ các trường trong các năm 2011-2014 là 1.115 (Boffo và Cocorullo, 2019).

Châu Mỹ: Tại Canada, nghiên cứu của Rasmussen (2008) cho thấy nếu tổng số công ty Spin-offs từ các trường đại học và bệnh viện trong cả nước ở năm 1999 chỉ là 471, đến năm 2001 tăng lên 680 thì tới năm 2003

con số này đã đạt 876. Mặc dù số liệu chưa đầy đủ, nhưng các số liệu thống kê đã cho thấy Mỹ là quốc gia đứng đầu về hình thành các công ty Spin-offs trên cơ sở các nghiên cứu ở các lĩnh vực. Erden và Yurtseven (2012) cho rằng: ở Mỹ theo báo cáo của 132 trường đại học hàng đầu đã có 279 công ty thành lập ở năm 1998; nếu tính cả các công ty do các sinh viên, giảng viên và cựu sinh viên thành lập nhưng không được cấp phép từ các trường đại học thì số liệu lớn hơn rất nhiều. Trong vòng gần 20 năm (1980-1999) kể từ khi đạo luật Bayh-Dole được phê chuẩn, các công ty Spin-offs đã đóng góp 33,5 tỉ USD cho nền kinh tế và tạo ra 280.000 việc làm. Tính trung bình, mỗi năm có hơn 200 công ty Spin-offs được đăng ký thành lập từ 132 trường đại học. (Erden và Yurtseven, 2012).

Tại Châu Á, Singapore là một trong những quốc gia năng động nhất Châu Á trong việc phát triển mô hình công ty Spin-offs trong thời gian hơn 2 thập kỷ gần đây. Chi tính trong 5 năm (1998-2003), đã có hơn 70 doanh nghiệp Spin-offs được thành lập từ Đại học Quốc gia (NUS) và Đại học Công nghệ Nanyang (NTU) với nguồn đầu tư dồi dào từ ngân sách chính phủ cùng với cơ chế và thủ tục hành chính được cải thiện mạnh mẽ (Ngô Đức Thế, 2014).

2.2. Chính sách và cơ chế hỗ trợ của chính phủ

Trên thế giới, các chính sách đổi mới của các chính phủ có tác động quyết định đối với hiện tượng Spin-offs. Một trong số chính sách có tác động mạnh mẽ nhất được thống nhất cao trong nhận thức chung là Đạo luật Bayh-Dole ở Mỹ và Đạo luật Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ từ tập đoàn công nghệ (một cơ quan nhà nước) ở Vương quốc Anh cho các trường đại học trong những năm 1980. Các chính sách này đã cung cấp cho các trường đại học Mỹ và Anh quyền đối với các phát minh của họ dựa trên nghiên cứu do chính phủ tài trợ cùng với trách nhiệm thương mại hóa công nghệ của họ. Theo Saetre và cộng sự (2009), những thay đổi tương tự đã xuất hiện sau đó ở phần

lớn các nước châu Âu và châu Á. Tác động của Đạo luật Bayh-Dole cho phép đại học được bán bằng sáng chế trên những kết quả nghiên cứu do chính phủ liên bang tài trợ đã làm tăng nhanh số lượng các văn phòng chuyển giao (TTO).

Ngoài những đạo luật và chính sách lớn như trên, các đổi mới về chính sách hỗ trợ khác đã được áp dụng ở Mỹ và một số quốc gia để thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và phát triển giữa cơ sở giáo dục đại học, các ngành công nghiệp và tư nhân để hình thành các doanh nghiệp Spin-offs. Một trong số những thay đổi chủ yếu là: sửa đổi các chính sách về bằng sáng chế để mở rộng thị trường công nghệ, phát triển các hiệp hội hợp tác trong nghiên cứu và phát triển (R&D); nới lỏng các quy định và các hướng dẫn mới về định đoạt tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của chính phủ; đặc biệt là hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp.

Chính phủ Mỹ và các chính phủ ở Châu Âu đã phát triển các cơ chế hỗ trợ tài chính qua hình thức tài trợ và tài trợ công. Kể từ năm 1982, chính phủ Mỹ đã có các chương trình Nghiên cứu Đổi mới doanh nghiệp (SBIR) và Nghiên cứu Chuyển giao công nghệ doanh nghiệp nhỏ (STTR) để tài trợ các dự án R&D rủi ro cao với tiềm năng thương mại, cho phép các nhà sáng lập học thuật vượt qua các rào cản tài chính thông qua một chương trình nghiên cứu hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ. Năm 2004, chương trình này đã giải ngân hơn 2 tỉ USD cho việc hỗ trợ thành lập các doanh nghiệp Spin-offs và tới năm 2009 đã trao tổng số 112.500 công ty với tổng kinh phí lên tới 26,9 tỉ USD (Đình Văn Toàn, 2019). Ở Châu Âu, kế hoạch hành động đầu tiên cho đổi mới giáo dục đại học đã tài trợ cho sự tăng trưởng của các doanh nghiệp Spin-offs từ các trường đại học (Meyer, 2003).

Ở Canada, với mục tiêu xây dựng các chùm đổi mới mà hạt nhân là các doanh nghiệp spin-off, Chính phủ Canada đã xem xét việc thành lập các trung tâm công nghiệp vùng với một loạt thành phần quan trọng (trong đó có các doanh nghiệp đổi mới trong một số hướng công nghệ tương lai như công nghệ vi sinh, công nghệ gen và trong một số hướng công nghệ truyền thống (công nghệ ô tô với trung tâm nghiên cứu lớn tại Windsor, với các chi nhánh lớn tại Michigan, London, Ontario). Các chùm có chức năng gắn kết các yếu tố công nghệ, kinh phí và nhân lực phục vụ cho mục tiêu đổi mới và phát triển. Bên cạnh đó, Canada cũng ban hành những biện pháp miễn giảm thuế cho các spin-offs. Chính phủ coi việc miễn thuế cho các doanh nghiệp này thực chất không phải mất thuế mà hoãn thuế cho tương lai.

Tại Châu Á, Nhật Bản không có nhiều doanh nghiệp Spin-offs được thành lập nhưng là một trường hợp điển hình tại Châu Á khi có một nền giáo dục bậc đại học phát triển theo xu hướng quốc tế hóa kể từ những năm cuối thập niên 1990. Các hoạt động phổ biến nhất trong hợp tác giữa khu vực tư nhân và trường đại học lại bao gồm hợp tác nghiên cứu,

chuyển giao công nghệ và nhân sự thông qua Dự án “Hiệp hội TAMA” đặt trong khu công nghệ cao do Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp quản lý. Trong Hiệp hội này, tính đến cuối năm 2007 đã có 355 doanh nghiệp hoạt động với trên 100 phòng nghiên cứu phát triển và 32 nhà nghiên cứu đến từ các trường đại học tham gia (Đình Văn Toàn, 2019). Singapore cũng là một quốc gia có những chính sách phát triển giáo dục đại học hướng tới khởi nghiệp và thúc đẩy sáng tạo rất thành công trong hơn 2 thập kỷ qua.

- Quy định về tham gia của cán bộ giảng dạy trong các doanh nghiệp: Kể từ năm 2000 trở lại đây, các hạn chế về thời gian làm việc của giảng viên đại học đã được giảm bớt hoặc tạm thời rời vị trí giảng dạy ở một số quốc gia. Những quy định này tạo điều kiện thuận lợi cho họ vừa tham gia trong các doanh nghiệp Spin-offs vừa nghiên cứu học thuật trong tổ chức mẹ - trường đại học. Điều này có tác động tích cực giúp tương tác hiệu quả giữa các bên trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và chuyển giao, thương mại hóa;

- Về quyền sở hữu trí tuệ, các quy định liên quan đến tài sản trí tuệ tạo ra bởi nghiên cứu được tài trợ công vẫn có sự khác nhau giữa các quốc gia: Một số trao quyền cho nhà nghiên cứu; Một số trao cho tổ chức; Tiền bản quyền từ quyền sở hữu trí tuệ được phân phối một phần giữa các nhà nghiên cứu và tổ chức. Ở một số quốc gia, quy định gần đây đã được thay đổi chủ yếu bằng cách chuyển giao quyền tài sản từ nhà nghiên cứu cá nhân đến cơ sở với mong đợi gia tăng cho tiềm năng kinh tế của các nghiên cứu. Nhìn chung, các chính sách được sửa đổi theo hướng nới lỏng các quy định nhằm tăng sự tin cậy lẫn nhau, thúc đẩy sự hình thành các liên doanh hợp tác trong nghiên cứu và hướng dẫn việc định đoạt các tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của chính phủ;

- Tiêu chí và các thủ tục đánh giá về học thuật: Những thay đổi trong tiêu chí đánh giá ở cấp độ cá nhân, dự án hoặc tổ chức có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hệ thống nghiên cứu khoa học và phát triển doanh nghiệp vì liên quan đến chính sách khuyến khích và ảnh hưởng đến việc lựa chọn hoạt động nghiên cứu của các giảng viên. Tiêu chí đánh giá và khen thưởng cho các hoạt động thương mại hóa có ảnh hưởng đến việc tạo động lực để các nhà nghiên cứu tham gia hoạt động đổi mới, sáng tạo và hoạt động của các Spin-offs.

3. Bài học cho Việt Nam

Hiện nay, ở Việt Nam, mô hình Spin-offs vẫn chưa được quan tâm đúng mức, chưa thực sự có những cơ chế để khuyến khích thúc đẩy mô hình này phát triển ở các trường đại học. Để khai thác và phát huy tiềm năng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo các của trường đại học, cần chú trọng phát triển hiệu quả các Spin-offs. Tác giả đưa ra một số đề xuất cụ thể sau:

Thứ nhất, Chính phủ cần rà soát, hoàn thiện các

văn bản dưới luật của Luật Giáo dục đại học sửa đổi, Luật Khoa học và công nghệ và một số luật liên quan khác đưa ra hướng dẫn hình thành, vận hành Spin-offs trong trường đại học; nhất là các chính sách thúc đẩy thị trường khoa học công nghệ, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu, phát triển các quỹ đổi mới sáng tạo, quỹ hỗ trợ rủi ro.

Thứ hai, có chính sách thực sự đột phá và thiết thực để huy động đội ngũ trí thức khoa học đông đảo từ các trường đại học tích cực tham gia vào hoạt động đổi mới sáng tạo. Hệ thống luật pháp cần cho phép các trường đại học được sở hữu và toàn quyền sử dụng quyền sở hữu đối với các tài sản trí tuệ của các sản phẩm nghiên cứu từ tiền Nhà nước tài trợ. Cơ chế thực hiện đăng ký, xác lập quyền sở hữu và quản lý, đặc biệt về sử dụng, khai thác và phân chia lợi ích đối với các tài sản trí tuệ của đề tài, dự án nghiên cứu cần được cải tiến theo hướng dễ ứng dụng. Các doanh nghiệp và tư nhân để hình thành các liên doanh, tiến tới công ty Spin-offs.

Thứ ba, cần tháo gỡ về luật pháp và có các chính sách đặc biệt hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp Spin-offs trong các cơ sở giáo dục đại học. Theo đó, cần gỡ bỏ quy định không cho phép công chức, viên chức, giảng viên trong các trường đại học công lập thành lập hoặc tham gia quản lý các doanh nghiệp trong các bộ luật hiện hành. Cần khuyến khích các nhà khoa học trong các cơ sở này vừa tham gia nghiên cứu, giảng dạy vừa tham gia hoạt động chuyển giao tri thức, tư vấn và thương mại hóa sản phẩm ra thị trường trong các Spin-offs đã thành lập. Đồng thời, chính phủ và Bộ Tài chính cần quy định rõ ràng để các cơ sở giáo dục đại học triển khai định giá, đóng góp vốn và chuyển nhượng cổ phần từ các nguồn lực của mình như: quyền sử dụng đất, thương hiệu, tài sản trí tuệ trong hình thành doanh nghiệp.

Thứ tư, Chính phủ, Bộ Khoa học và công nghệ cần có chính sách hình thành các nguồn vốn và thiết lập cơ chế, chính sách sử dụng vốn “môi” như Thổ Nhĩ Kỳ và một số quốc gia đã thực hiện cho các doanh nhân học thuật bước đầu phát triển sản phẩm, mô hình kinh doanh. Chính sách và các cơ chế này rất quan trọng để các nhà đầu tư cá nhân, các nhà đầu tư “thiên thần” (thường là các chuyên gia/doanh nhân đã thành công), các quỹ đầu tư mạo hiểm quan tâm tham gia ngay từ khi hình thành liên doanh và giúp các Spin-offs đứng vững trong giai đoạn đầu.

Thứ năm, Chính phủ, Bộ Giáo dục và đào tạo cần giao quyền tự chủ hoàn toàn về mặt tổ chức, nhân sự để các trường đại học: i.) Xây dựng các chính sách khuyến khích tinh thần doanh nhân trong giảng viên, nghiên cứu viên, tạo động lực để các nhà nghiên cứu tham gia hoạt động đổi mới, sáng tạo và hoạt động của các Spin-offs; ii.) Khuyến khích các nhà khoa học, giảng viên và người học tham gia các hoạt động khởi nghiệp và thành lập doanh nghiệp để thương mại hóa

sản phẩm nghiên cứu khoa học; iii.) Có chính sách và thành lập đơn vị hỗ trợ việc tạo ra các dự án kinh doanh mới từ các nghiên cứu và công nghệ bắt nguồn từ nhà trường hoặc có các cán bộ, giảng viên, sinh viên tham gia như: văn phòng cấp phép, văn phòng chuyển giao công nghệ, văn phòng hỗ trợ các dự án kinh doanh mới, ... ; iv.) Có cơ chế để các doanh nhân học thuật được tiếp cận, sử dụng các phòng thí nghiệm nghiên cứu để triển khai các dự án mang tính khởi nghiệp kinh doanh; v.) Đặc biệt, một trong những đơn vị có vai trò quan trọng trong quy trình thương mại hóa và hình thành các công ty Spin-offs là các vườn ươm doanh nghiệp cần được các trường chủ động thành lập./.

Tài liệu tham khảo

Boffo, S. và Cocorullo, A. (2019), University Fourth Mission, Spin-offs and Academic Entrepreneurship: Connecting public policies with new missions and management issues of universities, Paper presented at the Higher Education Forum, Vol. 16 (2019) 125-142

Đình Văn Toàn (2019), Phát triển doanh nghiệp trong các cơ sở giáo dục đại học: Từ kinh nghiệm quốc tế đến thực tiễn Việt Nam (Sách chuyên khảo), Nhà xuất bản đại học Quốc gia Hà Nội, 133-261

Đình Văn Toàn (2020a), Vai trò của chính sách trong phát triển doanh nghiệp học thuật Spin-offs từ trường đại học: kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách cho nhà quản trị, Tạp chí Công thương (ISSN 0866-7756), số 23, (tháng 9/2020) tr 252-260.

Đình Văn Toàn (2020b), Quản trị đại học tiên tiến: Những thách thức đặt ra cho các trường đại học Việt Nam, Tạp chí Kinh tế Châu Á — Thái Bình Dương, số Tháng 02/2020, tr. 116-121.

Đình Văn Toàn (2020c), Factors Affecting Third Mission Implementation and The Challenges for Vietnam's Universities in The Transitioning Period, VNU Journal of Science: Economics and Business , Vol. 37, No. 3

Meyer, M. (2003), Academic entrepreneurs or entrepreneurial academics? Research based ventures and public support mechanisms. R&D Management, 33(2), 107—115. <https://doi.org/10.1111/1467-9310.00286>

Ngô Đức Thế (2014), Mô hình công ty Spin-offs, <https://www.thesaigontimes.vn/117628/Mo-hinh-cong-ty-spin-offs.html>

Wright M., Piva E., Mosey S., Lockett A. (2009), Academic Entrepreneurship and Business Schools, Journal of Technology Transfer, Vol. 34, pp. 560-587